

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TPL23B1KH
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023-2024

STT	MSHS	Họ và tên	Ngày sinh	Giáo dục QP - An ninh(2)	Tiếng anh(4)	Nghề nghiệp vụ ĐK và QL hộ tịch(2)	Pháp luật về công chứng, chứng thực(1)	Luật Hôn nhân và Gia đình(2)	Luật Thuế(1)	Luật Tài chính(2)	Luật Thương mại(2)	Điểm TB	Xếp loại
01	2353801015277	Nguyễn Trung An	19/05/1987	9.0	9.0	9.4	7.7	6.0	9.1	7.9	7.2	8.1	Giỏi
02	2353801015278	Huỳnh Văn Chiến	10/07/1977	8.3	8.2	9.7	7.7	5.9	7.3	5.7	6.3	7.4	Khá
03	2353801015279	Nguyễn Bé Dư	04/05/1982	8.3	6.7	9.9	6.8	5.6	7.3	8.0	7.5	7.4	Khá
04	2353801015280	Lê Thanh Dũng	01/01/1965	8.2	8.1	9.9	8.1	5.9	9.4	9.6	7.2	8.2	Giỏi
05	2353801015281	Huỳnh Văn Đèo	18/03/1988	9.8	8.4	9.6	7.7	6.2	9.7	6.5	6.9	7.8	Khá
06	2353801015282	Nguyễn Tạ Trúc Giang	19/09/1982	9.0	8.9	9.9	7.7	5.6	8.8	6.8	8.4	8.1	Giỏi
07	2353801015283	Nguyễn Thị Giang	21/06/1990	9.4	9.2	9.9	8.0	5.9	9.7	7.9	7.5	8.4	Giỏi
08	2353801015284	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	01/11/1985	9.4	8.5	8.4	7.4	5.3	8.1	7.0	6.6	7.4	Khá
09	2353801015285	Lê Minh Hiền	20/02/2001	8.0	8.2	8.8	7.7	5.2	7.6	5.9	7.8	7.4	Khá
10	2353801015286	Nguyễn Văn Hiền	06/12/1983	9.0	9.4	9.9	7.7	5.9	9.4	8.5	6.3	8.3	Giỏi
11	2353801015287	Thái Xuân Hoàng	02/09/1988	9.9	9.6	9.7	7.7	7.8	9.1	8.5	6.3	8.6	Giỏi
12	2353801015289	Huỳnh Quốc Huy	18/10/1993	9.0	8.4	9.9	7.7	5.9	9.1	7.3	7.2	7.9	Khá
13	2353801015290	Nguyễn Hoàng Khanh	01/12/1982	9.7	8.2	9.9	7.7	6.5	7.2	9.4	7.2	8.1	Khá
14	2353801015291	Nguyễn Thị Diễm Kiều	14/03/1985	9.6	8.7	9.7	7.7	6.2	9.7	9.3	6.9	8.3	Giỏi
15	2353801015292	Phạm Thị Mỹ Lệ	04/05/1983	9.7	8.4	9.9	6.8	5.9	7.8	8.1	7.5	7.9	Khá
16	2353801015293	Ngô Văn Năm	19/11/1975	8.2	5.8	9.4	7.6	5.6	8.7	7.9	6.9	7.1	Khá

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục QP - An ninh(2)	Tiếng anh(4)	Nghề nghiệp và QL hộ tịch(2)	Pháp luật về công chứng, chứng thực(1)	Luật Hôn nhân và Gia đình(2)	Luật Thuế(1)	Luật Tài chính(2)	Luật Thương mại(2)	Điểm TB	Xếp loại
17	2353801015294	Trịnh Thị Kim	Ngân	15/11/1993	9.6	9.3	9.9	7.7	5.9	8.4	7.5	7.5	8.2	Giỏi
18	2353801015295	Trần Văn	Nghé	19/05/1985	9.2	8.9	9.9	8.1	5.9	6.9	6.8	6.9	7.8	Khá
19	2353801015296	Huỳnh Văn	Nghĩa	08/05/1974	8.9	8.1	9.9	7.6	6.5	8.2	9.2	6.9	8.1	Giỏi
20	2353801015297	Nguyễn Đức	Nhã	20/05/1974	9.2	7.8	9.7	7.7	5.4	6.9	8.6	6.9	7.6	Khá
21	2353801015298	Lê Thành	Nhân	10/05/1988	9.7	8.9	9.9	8.0	6.4	7.2	9.5	7.5	8.4	Giỏi
22	2353801015368	Lê Thị Ngọc	Thảo	12/08/1987	8.9	9.2	9.9	7.7	5.9	8.5	8.0	7.5	8.3	Giỏi
23	2353801015375	Nguyễn Minh	Thuận	19/09/2003	9.3	9.4	9.7	7.7	5.9	8.8	6.9	8.4	8.3	Giỏi

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 10 tháng 6 năm 2025
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái